

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 20/2023/DS-ST.

Ngày: 28/3/2023.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Ông Nguyễn Văn D

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thành N** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Đức M** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Thanh D1**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: số 731 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 7 ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1967 (chồng bà K - vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7 ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1972 (vợ ông D1– có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 731 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Thanh D1trình bày như sau:*

Do chỗ quen biết nên bà Phạm Thị K thường xuyên mua tôm của ông Phan Thanh D1, quá trình mua bán ông D1có sổ sách ghi chép công nợ. Đến ngày 29/01/2021 ông D1và bà K tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán tôm thì bà K thừa nhận còn nợ ông D1tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Đồng thời, chính bà Phạm Thị K viết biên nhận nợ tiền tôm của ông D1số tiền 180.000.000 đồng và giao biên nhận cho D1giữ. Sau khi kết thúc công nợ thì ông D1có đòi nợ bà K nhiều lần nhưng bà K cam kết trả nợ trên cho ông D1mỗi tháng 20.000.000 đồng nhưng không có thực hiện.

Sau đó, ông D1có tiếp tục đòi nợ thì bà K yêu cầu ông D1tiếp tục bán tôm cho bà K, bà K sẽ thanh toán đầy đủ tiền hàng tôm mới và trả dần tiền nợ cũ. Sau đó ông D1tiếp bán tôm cho bà K nhiều lần, bà K có trả tiền tôm mới. Đến ngày 27/7/2022 bà K tiếp tục nợ ông D1số tiền mua tôm mới với số tổng số tiền là 22.600.000 đồng. Đến ngày 29/7/2022 bà K trả cho ông D1được số tiền là 12.000.000 đồng, tiếp tục nợ ông D1thêm số tiền là 10.600.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà K nợ của ông D1tổng số tiền 190.600.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Ông D1tiếp tục đòi nợ nhưng bà K và chồng là ông T1 cứ hứa hẹn, không trả nợ cho ông Dân.

Tại phiên tòa hôm nay ông D1yêu cầu bà Phạm Thị K và chồng là ông Lê Văn T1 phải liên đới trả cho ông D1số tiền mua tôm còn nợ tổng cộng là 190.600.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/3/2023 đối với số tiền 180.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, đối với số tiền 10.600.000 đồng ông D1không yêu cầu tính lãi. Tiền lãi tính cụ thể như sau: 180.000.000 đồng x 25 tháng x 0,83%/tháng = 37.350.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 227.950.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn do bà Phạm Thị K trình bày như sau:*

Bà Phạm Thị K thừa nhận do chỗ quen biết nên bà K thường xuyên mua tôm của ông Phan Thanh Dân, quá trình mua bán bà K không có ghi chép công nợ. Đến ngày 29/01/2021 bà K và ông D1tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán tôm thì bà K thừa nhận còn nợ ông Phan Thanh D1tổng số tiền mua tôm là 180.000.000 đồng. Đồng thời, chính bà K viết biên nhận nợ tiền tôm của ông D1số tiền 180.000.000 đồng và giao biên nhận cho ông D1giữ. Sau khi kết thúc công nợ thì bà K có trả tiền cho ông D1nhưng số tiền trả bao nhiêu bà K không nhớ.

Sau đó, bà K có tiếp tục thỏa thuận với ông Phan Thanh D1là tiếp tục mua tôm của ông D1thì bà K sẽ thanh toán đầy đủ tiền hàng tôm mới và trả dần tiền nợ tôm cũ. Đến ngày 17/7/2022 bà K tiếp tục mua tôm của ông D1với số tổng số tiền là 22.600.000 đồng. Đến ngày 29/7/2022 bà K trả cho ông D1được 12.000.000 đồng, tiếp tục nợ ông D1thêm 10.600.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà K nợ của D1số tiền 190.600.000 đồng. Chồng bà K là ông Lê Văn T1 có biết bà K mua tôm của ông Phan Thanh D1nhưng không biết bà K nợ ông D1số tiền là bao nhiêu.

Sau khi bà K tính lại công nợ bà K cho rằng từ ngày 29/01/2021 đến ngày 12/3/2022 đã chuyển trả cho ông Phan Thanh D1số tiền cụ thể như sau: lần 1 ngày 01/02/2021 chuyển trả: 20.000.000 đồng, lần 2 ngày 01/3/2021 chuyển trả: 4.000.000 đồng, lần 3 ngày 19/3/2021 chuyển trả: 5.000.000 đồng, lần 4 ngày 24/3/2021 chuyển trả: 8.000.000 đồng, lần 5 ngày 30/3/2021 chuyển trả: 6.000.000 đồng, lần 6 ngày 02/4/2021 chuyển trả: 30.000.000 đồng, lần 7 ngày 05/4/2021 chuyển trả: 4.000.000 đồng, lần 8 ngày 14/5/2021 chuyển trả: 2.700.000 đồng, lần 9 ngày 17/11/2021 chuyển trả: 6.400.000 đồng, lần 10 ngày 22/12/2021 chuyển trả: 3.000.000 đồng, lần 11 ngày 23/12/2021 chuyển trả: 8.500.000 đồng, lần 12 ngày 29/12/2021 chuyển trả: 4.600.000 đồng, lần 13 ngày 30/12/2021 chuyển trả: 3.900.000 đồng, lần 14 ngày 31/12/2021 chuyển trả: 3.000.000 đồng, lần 15 ngày 13/01/2022 chuyển trả: 2.000.000 đồng, lần 16 ngày 24/01/2022 chuyển trả: 2.500.000 đồng, lần 17 ngày 07/02/2022 chuyển trả: 5.000.000 đồng, lần 18 ngày 07/02/2022 chuyển trả: 4.000.000 đồng, lần 19 ngày 12/02/2022 chuyển trả: 8.000.000 đồng, lần 20 ngày

17/02/2022 chuyển trả: 10.000.000 đồng, lần 21 ngày 17/02/2022 chuyển trả: 5.000.000 đồng, lần 22 ngày 24/02/2022 chuyển trả: 6.000.000 đồng, lần 23 ngày 12/03/2022 chuyển trả: 9.700.000 đồng và lần 24 ngày 17/04/2021 chuyển trả: 8.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển trả là 169.300.000 đồng

Sau đó từ ngày 25/3/2022 đến ngày 29/7/2022 đã chuyển trả cho ông Phan Thanh D1 số tiền cụ thể như sau: lần 1 ngày 25/3/2022 chuyển trả: 11.000.000 đồng, lần 2 ngày 29/3/2022 chuyển trả: 10.000.000 đồng, lần 3 ngày 03/4/2022 chuyển trả: 8.000.000 đồng, lần 4 ngày 08/4/2022 chuyển trả: 9.000.000 đồng, lần 5 ngày 10/4/2022 chuyển trả: 8.000.000 đồng, lần 6 ngày 06/5/2022 chuyển trả: 3.700.000 đồng, lần 7 ngày 17/5/2022 chuyển trả: 4.000.000 đồng, lần 8 ngày 27/6/2022 chuyển trả: 3.410.000 đồng, lần 9 ngày 21/7/2022 chuyển trả: 7.000.000 đồng và lần 10 ngày 29/7/2022 chuyển trả: 5.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển trả là 69.110.000 đồng.

Tổng kết số tiền bà K chuyển trả cho ông Phan Thanh D1 là: 238.410.000 đồng. Các chứng từ kèm theo đối chiếu: Giấy sao kê tài khoản ngân hàng Techcombank, hình ảnh biên lai chuyển tiền từ Techcombank cho ông Phan Thanh 1. Như vậy số tiền mà ông Phan Thanh D1 nói bà K thiếu là 190.600.000 đồng bà K thừa nhận trả, nhưng bà K yêu cầu ông Phan Thanh D1 bắt buộc phải trừ lại tổng số tiền 238.410.000 đồng mà bà K đã chuyển trả qua tài khoản ngân hàng Agribank có số tài khoản là: 7715205017377 đứng tên PHAN THANH D1.

Tại phiên tòa bà K yêu cầu sau khi trừ lại hết còn lại thiếu bao nhiêu thì bà K tiếp tục trả cho đủ ông Phan Thanh D1 số tiền là 190.600.000 đồng, còn nếu mà số tiền bà K chuyển dư hơn số 190.600.000 đồng thì bà K yêu cầu ông Phan Thanh D1 trả ngược lại cho bà K số tiền dư. Trong trường hợp này bà K yêu cầu ông D1 phải trả cho bà K số tiền là: 47.810.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T2 trình bày:* Bà Võ Thị T2 là vợ của ông Phan Thanh D1. Hiện nay phía ông Phan Thanh D1 có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân D1 huyện Hòn Đất để yêu cầu bà Phạm Thị K cùng chồng là ông Lê Văn T1 phải trả cho chồng bà T2 số tiền mua tôm còn nợ là 190.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà T2 đề nghị Tòa án nhân D1 huyện Hòn Đất xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Dân. Việc tranh chấp giữa ông

D1với bà K, ông T1 thì phía bà T2 và ông D1sẽ tự tính toán với nhau, phía bà T2 không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đồng thời, hiện tại do bận công việc nhiều, nhà ở xa nên bà T2 không có thời gian để đến tòa án giải quyết vụ kiện trên nên xin được vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải và xét xử của vụ án nêu trên tại tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm (nếu có).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 trình bày:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn T1. Tuy nhiên, ông T1 đều vắng mặt không tham gia giải quyết vụ kiện nên không có lời khai trong hồ sơ.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân D1huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng D1sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng D1sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng D1sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn là bà Phạm Thị K đã nhiều lần vi phạm nội quy phiên tòa. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng D1sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng D1sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 430, Điều 440; Điều 468 Bộ luật D1sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc phía ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị K phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Thanh D1số tiền mua tôm còn nợ là 227.950.000 đồng, trong đó tiền gốc là 190.600.000 đồng, tiền lãi là 37.350.000 đồng.

- Về án phí: Buộc ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị K phải chịu án phí D1sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phan Thanh D1khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị K và ông Lê Văn T1 phải trả số tiền mua tôm còn nợ với số tiền là 190.600.000 đồng. Bà Phạm Thị K cùng chồng là ông Lê Văn T1 có địa chỉ tại địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D1huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D1sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Phía bà Võ Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng D1sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Ông Phan Thanh D1và bà Phạm Thị K đều xác nhận từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 29 tháng 7 năm 2022 bà Phạm Thị K đã nhiều lần mua tôm của ông Phan Thanh D1theo hình thức gỏi đầu và bà K còn nợ ông D1số tiền mua tôm tổng số tiền gốc là 190.600.000 đồng. Hai bên có lập biên bản chốt nợ ngày 29/01/2021 thể hiện bà K còn nợ ông D1số tiền là 180.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ xong thì phía bà K và ông D1vẫn tiếp tục giao dịch mua bán tôm theo hình thức gỏi đầu. Theo đó bên phía bà K còn nợ ông D1số tiền mua tôm mới là 10.600.000 đồng. Sự việc này ông D1và bà K đều thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng D1sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà K cho rằng bà K đã trả cho ông D1số tiền mua tôm tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 12/7/2022 tổng cộng là 34

lần với tổng số tiền là 238.410.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng Agribank có số tài khoản là: 7715205017377 đứng tên PHAN THANH DÂN. Bà K cho rằng đã trả dư cho ông D1 số tiền 47.810.000 đồng và yêu cầu ông D1 trả cho bà K số tiền này.

Trong khi đó ông D1 cho rằng bà K tiếp tục mua tôm mới của ông D1 và bà K cam kết sẽ trả đủ tiền cho ông D1 số tiền tôm mới, đồng thời trả dần tiền nợ cũ nêu trên. Tuy nhiên, bà K không thực hiện đúng cam kết, chỉ trả tiền mua tôm mới mà không thực hiện trả nợ cũ nên ông D1 ngừng giao dịch mua bán tôm với bà K từ ngày 29/7/2022. Hiện bà K còn nợ ông D1 số tiền mua tôm nợ gốc là 190.600.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông D1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị K và chồng là ông Lê Văn T1 phải liên đới trả cho ông Phan Thanh D1 số tiền mua tôm còn nợ gốc tổng cộng là 190.600.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/3/2023 đối với số tiền 180.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, đối với số tiền 10.600.000 đồng ông D1 không yêu cầu tính lãi. Tiền lãi tính cụ thể như sau: $180.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 37.350.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 227.950.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa phía ông D1 và bà K thừa nhận có việc mua bán tôm, bà K thừa nhận từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 29 tháng 7 năm 2022, phía bà Phạm Thị K có mua tôm của ông Phan Thanh D1 và bà K còn nợ ông D1 số tiền mua tôm tổng số tiền gốc là 190.600.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bà K đều thừa nhận còn nợ số tiền mua tôm cũ là 180.000.000 đồng và nợ tiền mua tôm mới là 10.600.000 đồng. Đối với số tiền mua tôm cũ là 180.000.000 đồng này giữa hai bên đã kết nợ bằng biên nhận chốt nợ đề ngày 29/01/2021.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên bán là ông D1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua bà K đã nhận hàng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 Bộ luật D1 sự 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...”*.

Đồng thời, tại Điều 440 Bộ luật D1sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Xét yêu cầu của ông Phan Thanh D1về việc buộc ông Lê Văn T1 phải liên đới cùng với bà Phạm Thị K trả cho ông Phan Thanh D1số tiền mua tôm còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 227.950.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị K là vợ chồng cùng sinh sống và cư trú tại: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bà K trình bày việc mua tôm về để phục vụ nấu đám tiệc, phía ông D1khi giao tôm thì có lúc bà K là người nhận, có lúc là ông T1 nhận. Việc bà K mua tôm nợ tiền của ông D1ông T1 đều biết. Tiền mua bán tôm về nấu đám đều phục vụ mục đích sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Đồng thời, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng và tổng đạt hợp lệ vụ kiện và nội dung yêu cầu của ông D1đối với bà K và ông T1 nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 HĐXX buộc ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Phạm Thị K trả số nợ nêu trên cho ông D1.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 29/01/2021 nhưng không có thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ Điều 357 Bộ luật D1sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của bà Phạm Thị K cho rằng bà đã 34 lần chuyển khoản cho ông D1với tổng số tiền là 238.410.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng Agribank có số tài khoản là: 7715205017377 đứng tên PHAN THANH DÂN. Bà K cho rằng đã trả dư cho ông D1số tiền 47.810.000 đồng và yêu cầu ông D1trả cho bà K số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy: bà K cho rằng đã trả cho ông D1qua tài khoản ngân hàng Agribank có số tài khoản là: 7715205017377 đứng tên PHAN THANH D1tổng cộng 34 lần với số tiền 238.410.000 đồng là không khớp với số tiền bà nợ ông D1chỉ có 190.600.000 đồng. Đồng thời, để chứng minh cho các lần chuyển khoản trả

nợ trên bà K đã sao kê tài sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 8 năm 2022 nhưng tại các ngày mà bà K chuyển tiền không thể hiện rõ chuyển tiền cho ai, nội dung trả tiền là gì, trả tiền nợ tôm cũ hay trả tiền nợ mới. Ngoài ra, tại các bản sao kê ông D1 cung cấp không có nội dung bà K trả tiền nợ cũ cho ông D1 và ông D1 cũng không thừa nhận các lần chuyển tiền trên bà K trả nợ cũ cho ông D1. Do đó Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét các lần chuyển khoản của bà K là trả tiền cho ai và trả tiền nợ nào.

Bên cạnh đó, tại phiên tòa phía bà K lại cho rằng trong số 34 lần chuyển khoản trả cho ông D1 thì 24 lần chuyển khoản trước từ ngày 29/01/2021 đến ngày 12/3/2022 đã chuyển trả cho ông Phan Thanh D1 tiền nợ cũ là 169.300.000 đồng. Đối với 10 lần chuyển khoản sau từ ngày 25/3/2022 đến ngày 29/7/2022 đã chuyển trả tiền tôm mới là 69.110.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy phía bà K cho rằng những lần chuyển khoản cho phía ông D1 mà bà K cho rằng trả tiền nợ cũ là 169.300.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa phía ông D1 cung cấp cho HĐXX các sổ ghi chép công nợ gốc từ tháng 02/2021 đến ngày 29/7/2022 thể hiện phía bà K có mua tôm mới với số lần thể hiện giao dịch mua bán là 48 lần với số tiền khoảng 223.160.000 đồng. Như vậy cho thấy những lần giao dịch phía bà K đã chuyển khoản cho ông D1 với số tiền 238.410.000 đồng là phù hợp với thực tế những lần mua bán sau khi giữa hai bên chốt nợ vào thời điểm ngày 29/01/2021. Đồng thời giữa các bên đều trình bày việc mua bán tôm theo hình thức gỏi đầu, nghĩa là sau khi ông D1 giao tôm mới cho bà K thì mấy ngày sau hoặc lâu hơn bà K mới chuyển khoản trả tiền tôm là phù hợp với tài liệu chứng cứ mà các đương sự đã cung cấp. Phía bà K cho rằng số tiền 169.300.000 đồng mà bà đã trả cho ông D1 tiền nợ cũ bằng hình thức chuyển khoản từ thời gian là ngày 29/01/2021 đến ngày 12/3/2022 là phù hợp với việc giao dịch mua bán tôm mới sau khi các bên chốt nợ từ ngày 29/01/2021. Do đó lời trình bày của bà K là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ và diễn biến khách quan tại phiên tòa.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên. Trong thảo luận và nghị án, HĐXX xem xét chấp nhận ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân D1 huyện Hòn Đất, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị K và

ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Thanh D1 số tiền mua tôm còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 227.950.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 190.600.000 đồng, tiền lãi là 37.350.000 đồng.

[4] Về án phí D1 sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị K và ông Lê Văn T1 phải chịu án phí D1 sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật D1 sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D1.

Buộc bà Phạm Thị K và ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Thanh D1 số tiền mua tôm còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 227.950.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 190.600.000 đồng, tiền lãi là 37.350.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật D1 sự năm 2015.

2/. Về án phí D1 sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị K và ông Lê Văn T1 phải chịu án phí D1 sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.397.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Phan Thanh D1 số tiền tạm ứng án phí là 4.765.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008090 ngày 15/8/2022 của Chi cục thi hành án D1 sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.025.000 đồng đã

nộp theo biên lai thu tiền số 0004289 ngày 30/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A